

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Trọng Điền;

- Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202A/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X, trụ sở chính: phường F, thành phố F, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật;

- Ông Trần Hữu Ý, chức vụ: Nhân viên Công ty luật TNHH MTV Đại Long; địa chỉ: Quận H, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền lại số 108/UQTT-DLO.22 ngày 04/6/2022; (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 07, khóm 1, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, nơi cư trú: tổ 07, khóm 1, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 07/10/2016, ông Nguyễn Tấn T có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161010-500000-4493 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (sau đây gọi tắt là Công ty tài chính SMBC) vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 3.33%/tháng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 24 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.468.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.911.265 đồng, tháng cuối cùng 1.917.000 đồng, bắt đầu từ ngày 13/11/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả được 7.748.000 đồng, kể từ ngày 22/12/2017 đến nay ông T không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi mặc dù đã được công ty tài chính nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 28/12/2018, khoản nợ của ông T được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC chuyển nhượng cho công ty TNHH mua bán nợ X theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006.

Do đó, công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 38.720.000 đồng.

T liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07/10/2016; hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006 ngày 28/12/2018; bảng kế hoạch trả nợ; lịch sử thanh toán và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ông Nguyễn Tấn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Nguyễn Thị H (vợ ông T) trình bày: Bà có nhận thay và thông báo lại nội dung các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho ông T được biết. Ông T có cho bà biết có vay tiền của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC và còn nợ. Ông T là thợ hàn, phải đi làm xa ở Tỉnh Biên, Long Xuyên nên không thường xuyên có mặt tại nhà. Hiện do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, xét thấy việc Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của ông T sang cho Công ty TNHH mua bán nợ X là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T thông qua vợ của ông (bà Trang) và bà Trang cho biết đã thông báo lại nội dung khởi kiện của ông Công ty TNHH mua bán nợ X cho ông T nhưng ông không tham gia suốt quá trình, không có phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, việc Công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 38.720.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ của bà Trang, không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 365, 450, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn T trả nợ vay. Ông T đang cư trú trên địa bàn thành phố K nên yêu cầu kiện của Công ty TNHH mua bán nợ X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do; người làm chứng bà Trang đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Trang.

** Về nội dung:*

[3] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 07/10/2016, giữa Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC với ông Nguyễn Tấn T đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161010-500000-4493. Đến ngày 28/12/2018, khoản nợ của ông T được Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC chuyển nhượng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEO-18-0006. Việc Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, phù hợp với quy định tại Điều 365, 450 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X có quyền khởi kiện yêu cầu ông T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Công ty TNHH mua bán nợ X cho rằng, vào ngày 07/10/2016, ông T có vay của Công ty tài chính SMBC số tiền 31.650.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 3.33%/tháng. Hai bên có xác lập đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số số 20161010-500000-4493 ngày 07/10/2016, thỏa thuận số tiền phải trả theo hợp đồng là 46.468.000 đồng (gồm cả gốc và lãi). Sau khi vay, ông T trả được số tiền 7.748.000 đồng và không tiếp tục trả nợ, mặc dù, Công ty tài chính SMBC đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có ban hành Thông báo số 89/2022/TB-TA ngày 11/8/2022 yêu cầu trình bày lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH mua bán nợ X nhưng ông T không thực hiện. Bà Trang (vợ ông T) có lời khai xác định ông T có vay tiền và còn nợ tiền của nguyên đơn.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông T vay của Công ty tài chính SMBC số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất 3.33%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, số tiền phải trả theo hợp đồng là 46.468.000 đồng; ông T đã trả được 7.748.000 đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH mua bán nợ X; buộc ông T trả cho Công ty TNHH mua bán nợ X số tiền 38.720.000 đồng.

[6] Về phương thức thanh toán:

Bà Trang (vợ ông T) có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, yêu cầu trả dần của bà Trang không được phía nguyên đơn chấp nhận nên phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ X là 1.936.000 đồng.

Công ty TNHH mua bán nợ X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH mua bán nợ X số tiền tạm ứng án phí 960.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 365, 450, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X.

Buộc ông Nguyễn Tấn T trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X số tiền 38.720.000 (*ba mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 1.936.000 (*một triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 960.000 (*chín trăm sáu mươi nghìn*) đồng theo biên lai

thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0002277 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung